

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ KONTUM  
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 07/3/2022.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Tiền và bà Lê Thị Ngọc Phượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Đỗ Phương Thảo – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham Gi phiên tòa:**  
Ông Trần bá Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân Gi đình thụ lý số: 431/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Lê Đình Gi, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn K, phường Th, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1972. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, phường Th, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Chỗ ở hiện nay: Số 53 L, phường A, quận Th, thành phố Đà Nẵng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 23 tháng 11 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Đình Gi trình bày:*

Ông Lê Đình Gi và bà Trần Thị H có quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng và có tổ chức đám cưới nhỏ vào tháng 6 năm 1994 nhưng không đi đăng ký kết hôn, vì nghĩ về chung sống với nhau là được. Sau khi cưới, ông Lê Đình Gi và bà Trần Thị H mua nhà ở tổ 7, đường H, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum sinh sống. Vợ chồng sống đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do bà H ham chơi không chăm lo đến chồng con. Vợ chồng thường xảy ra cãi vã, ông Gi và bà H đã bán nhà

để lo cho con cái và không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Ông Lê Đình Gi và bà Trần Thị H không còn tình cảm gì nữa, ông yêu cầu Tòa án không công nhận giữa ông và bà Trần Thị H là vợ chồng.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Lê Quốc D, sinh năm 1996 và Lê Duy Kh, sinh năm 1999. Các con đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Lê Đình Gi và bà Trần Thị H không có tài sản chung.  
*Tại bản tự khai ngày 24/12/2021 bị đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Bà Trần Thị H và ông Lê Đình Gi có quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng, có tổ chức đám cưới nhỏ vào tháng 6 năm 1994 nhưng không đi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, bà và ông Lê Đình Gi mua nhà ở tổ 7, đường H, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum sinh sống như ông Gi trình bày là đúng. Bà H và ông Gi xảy ra mâu thuẫn do hai bên có nhiều quan điểm không đồng nhất về cuộc sống và con cái. Sau đó bà và ông Gi đã thống nhất bán nhà để lo cho con và hai bên không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Ông Lê Đình Gi yêu cầu Tòa án không công nhận giữa ông và bà Trần Thị H là vợ chồng, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung đúng như ông Gi đã trình bày và các con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014: Tuyên xử không công nhận ông Lê Đình Gi và bà Trần Thị H là vợ chồng. Về con chung đã trưởng thành nên không giải quyết, tài sản chung các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập. Về án phí ông Lê Đình Gi phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tụng tố tụng:

Ông Lê Đình Gi có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum giải quyết yêu cầu không công nhận giữa ông và bà Trần Thị H là vợ chồng, bà Trần Thị H có nơi cư trú tại thôn K, phường Th, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Bà Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị H.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của ông Lê Đình Gi thấy rằng:

Ông Lê Đình Gi và bà Trần Thị H chung sống với nhau vào tháng 6 năm 1994 và đã có với nhau 02 con chung nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc chung sống giữa ông Lê Đình Gi và bà Trần Thị H không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” giữa ông Lê Đình Gi và bà Trần Thị H.

Về con chung: Ông Lê Đình Gi và bà Trần Thị H có 02 con chung là Lê Quốc D, sinh năm 1996 và Lê Duy Kh, sinh năm 1999. Các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động, nên không đề cập đến.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Lê Đình Gi phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, khoản 1 Điều 228; Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 6, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Lê Đình Gi và bà Trần Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành, nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Đình Gi phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Lê Đình Gi đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000508 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Ông Lê Đình Gi đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/3/2022). Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS tp Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương**

**HÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS tp Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**